

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU,
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/DS-ST

Ngày 05 tháng 02 năm 2021

“V/v Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thẩm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mỹ Hương

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau: Ông Phạm Văn Đa – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02, 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 380/2020/TLST - DS ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 860/2020/QĐXXST - DS ngày 09/11/2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ngân Hàng TMCP Đ.

Địa chỉ: Số 22, đường N, phường T, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L, Chủ tịch hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Ngô Tường V, Chuyên viên Quản lý khách hàng (Văn bản ủy quyền số 2029/UQ-PVB ngày 25 tháng 8 năm 2020) (có mặt).

Địa chỉ: Lầu 6, 131 T, phường A, quận N, thành phố C.

* *Bị đơn:* Anh Trần Tuấn D, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 29/4, đường L, khóm , phường , thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Chị Trần Thị M, sinh năm 1981 (có mặt).

Tạm trú: Đường T, khóm , phường , thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân Hàng TMCP Đ và tại phiên tòa chị Ngô Tường V đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

* Ngày 10/5/2018, anh Trần Tuấn D cùng Ngân hàng TMCP Đ có ký kết hợp đồng vay số 418/2018/HĐTGBL cùng kế ước nhận nợ số LD1813053930 ngày 10/5/2018. Thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay tiêu dùng, mua sắm vật dụng gia đình số tiền 200.000.000 đồng. Lãi suất chi tiết được ghi trong hợp đồng. Quá trình

vay anh D đã trả được nợ gốc 10.020.000 đồng và lãi 4.486.616 đồng. Tổng cộng 14.506.616 đồng. Kèm theo khế ước nhận nợ.

Dư nợ tạm tính đến ngày 02/02/2021 theo hợp đồng vay số 418/2018/HĐTGBL/PVB-CN.CM:

Gốc trong hạn 189.980.000 đồng, quá hạn, trong hạn, lãi phạt 67.400.361 đồng. Tổng cộng 257.380.361 đồng.

* Đến ngày 18/5/2018, anh Trần Tuấn D cùng Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Cà Mau có ký kết hợp đồng vay số 464/2018/HĐHMTCP/PVB-CN.CM. Thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay tiêu dùng, số tiền 300.000.000 đồng. Lãi suất chi tiết được ghi trong hợp đồng. Quá trình vay anh D đã trả được nợ gốc lãi 4.000.000 đồng vào ngày 20/6/2019.

Dư nợ tạm tính đến ngày 02/02/2021 theo hợp đồng vay số 464/2018/HĐHMTCP/PVB-CN.CM:, gốc quá hạn 300.000.000 đồng, tổng lãi 124.458.181 đồng. Tổng cộng 424.458.181 đồng.

* Ngày 04/8/2017, anh Trần Tuấn D cùng Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Cà Mau có ký đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế PVCOMBANK MasterCard số 2017080410222158/TTD-PVB với hạn mức 40.000.000 đồng.

Dư nợ thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 02/02/2021 cập nhật trên hệ thống phần mềm của anh D: Gốc quá hạn: 39.054.000 đồng, Tổng lãi: 141.105.848 đồng.

Tổng cộng gốc lãi: 180.159.848 đồng.

Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở việc trả nợ nhưng anh D không có thiện chí nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nay ngân hàng yêu cầu anh D và chị M liên đới trả nợ.

Tính đến ngày 02/02/2021 anh Trần Tuấn D còn nợ, tổng dư nợ là 861.998.390 đồng (trong đó vốn gốc là 529.034.000 đồng, lãi 332.964.390 đồng và tiền lãi phát sinh tính theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong).

* Đối với anh Trần Tuấn D Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng, thông báo, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập đến Tòa để tham gia tố tụng nhưng anh D không có mặt và cũng không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

* *Đối với chị Trần Thị M trình bày:*

Chị là vợ hợp pháp của anh D, anh D vay số tiền hiện Ngân hàng yêu cầu đối với chị M không biết khoảng nợ này do không ký vào các hợp đồng vay của anh D với Ngân hàng và tài sản anh D đã kê cho Ngân hàng để vay tiền chị không có sử dụng các tài sản này. Hiện chị đã không sống chung với anh D 03 năm nay. Do chị không ký vào hợp đồng vay nên chị không đồng ý trả nợ cho Ngân hàng. Ngoài ra chị cung cấp các chứng cứ vào năm 2017 anh D đã vay nợ rất nhiều ở ngoài chị có đứng ra thanh toán, do anh D mục đích vay tiền để cờ bạc không sử dụng cùng gia đình nên anh D phải có trách nhiệm.

* *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã giải quyết đảm bảo đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định, đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về phần lãi gốc, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn. Không chấp nhận lãi phạt trên lãi suất quá hạn và buộc bà Trần Thị M trả nợ cho Ngân hàng.

Án phí đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Trần Tuấn D đã được Tòa án tổng đạt các thông báo thụ lý và hòa giải kiểm tra chứng cứ và giai đoạn đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật. Nên Tòa án căn cứ theo quy định tại Điều 179, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Đối với giấy đề nghị sử dụng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ của anh Trần Tuấn D tại Ngày 04/8/2017, anh Trần Tuấn D cùng Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Cà Mau có ký đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế PVCOMBANK MasterCard số 2017080410222158/TTD-PVB với hạn mức 40.000.000 đồng. Dư nợ thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 05/8/2020 cập nhật trên hệ thống phần mềm của anh D nợ gốc quá hạn: 39.054.000 đồng. Tổng lãi: 141.105.848 đồng.

Tổng cộng gốc lãi: 180.159.848 đồng.

* Đối với hợp đồng vay ngày 10/5/2018, anh Trần Tuấn D cùng Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Cà Mau có ký kết hợp đồng vay số 418/2018/HĐTGBL cùng kế ước nhận nợ số LD1813053930 ngày 10/5/2018. Thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay tiêu dùng, mua sắm vật dụng gia đình số tiền 200.000.000 đồng. Quá trình vay anh D đã trả được nợ gốc 10.020.000 đồng và lãi 4.486.616 đồng. Tổng cộng 14.506.617 đồng. Dư nợ tạm tính đến ngày 02/02/2021 theo hợp đồng vay số 418/2018/HĐTGBL/PVB-CN.CM: Gốc trong hạn 189.980.000 đồng, quá hạn, trong hạn, lãi phạt 67.400.361 đồng.

Tổng cộng 257.380.361 đồng.

* Đối với hợp đồng ngày 18/5/2018, anh Trần Tuấn D cùng Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau có ký kết hợp đồng vay số 464/2018/HĐHMTTC/PVB-CN.CM. Thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay tiêu dùng, số tiền 300.000.000 đồng. Quá trình vay anh D đã trả được nợ gốc lãi 4.000.000 đồng. Tổng cộng 4.000.000 đồng.

Dư nợ tạm tính đến ngày 02/02/2021 theo hợp đồng vay số 464/2018/HĐHMTTC/PVB-CN.CM: Gốc quá hạn 300.000.000 đồng, tổng lãi 124.458.181 đồng.

Tổng cộng 424.258.181 đồng.

Xét các hợp đồng giữa 02 bên hoàn toàn tự nguyện thực hiện đúng quy định về nội dung và hình thức của hợp đồng, nên hợp đồng có giá trị và hợp pháp. Trong quá trình ký hợp đồng cấp thẻ tín dụng, hạn mức thấu chi, vay tiêu dùng anh D đã rút số tiền 40.000.000 đồng, sử dụng số tiền trên có thanh toán và rút tiền 200.000.000 đồng, trả được nợ gốc 10.020.000 đồng và lãi 4.486.616 đồng. Tổng trả 14.506.617 đồng; rút số tiền 300.000.000 đồng, anh D đã trả được nợ gốc lãi 4.000.000 đồng. Tính đến ngày 02/02/2021 anh Trần Tuấn D còn nợ, tổng dư nợ với số tiền là: 861.998.390 đồng (trong đó vốn gốc là 529.034.000 đồng, lãi

322.964.390 đồng) và tiền lãi phát sinh tính theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong.

Do anh Trần Tuấn D vi phạm hợp đồng nên buộc anh D phải thanh toán số tiền trên cho Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về nghĩa vụ thanh toán: Xét tại thời điểm vay đến nay anh D và chị M là vợ, chồng vẫn còn trong thời kỳ hôn nhân, việc chị M không ký tên vào biên nhận nợ, chị M chứng minh được anh D dùng số tiền này vào mục đích khác là có căn cứ đối chiếu Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình quy định nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng yêu cầu thiết yếu của gia đình, tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ các tài sản mà anh D đã kê để vay Ngân hàng thì tài sản của chị M đang quản lý, sử dụng không trùng khớp với tài sản của anh D kê. Cho nên chị M không có trách nhiệm cùng với anh D thanh toán số tiền nợ vay cho Ngân hàng là phù hợp.

[4] Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí các đương sự phải nộp theo quy định, anh D phải chịu án phí số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ các Điều 143, 179, 227, 228 của bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân Hàng TMCP Đ.

1. Buộc anh Trần Tuấn D thanh toán cho Ngân Hàng Thương mại cổ phần Đ vốn và lãi với số tiền 861.998.390 đồng (*trong đó vốn gốc là 529.034.000 đồng, lãi 332.964.390 đồng*) và tiền lãi phát sinh tính theo hợp đồng cho đến khi thi hành xong.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 02/02/2021 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp, hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm anh Trần Tuấn D phải chịu 37.859.900 đồng (*chưa nộp*). Ngân Hàng TMCP Đ không phải nộp án phí vào ngày 21/9/2020 Ngân hàng tạm ứng án phí số tiền 17.379.000 đồng, tại lai thu số 0002392 được nhận lại toàn bộ khi án có hiệu lực.

Ngân hàng Ngân Hàng TMCP Đ, chị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau ;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu án văn;
- Lưu TM (TANDTPCM).

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thị Thắm